TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2024
V/v:"Tranh chấp xác định cha cho con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và bà Nguyễn Thị T Hòa.
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Ông Phạm Thật - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 178/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp xác định cha cho con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Khu C, xã M, huyện C tỉnh P.
Bị đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Khu C, xã M, huyện C tỉnh P.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991. Đại chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh H.
(Chị T, anh L có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có L do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã Nam Điền, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn chị chung sống cùng anh H đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tôi ở xã S, huyện V, tỉnh T ở, chị và anh H mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Đến năm 2023 thì chị và anh H ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2023/QĐST - HNGĐ ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị và anh H.

Quá trình chị và anh H sống ly thân, năm 2018 chị có quen biết và chung sống với anh Bùi Văn L như vợ chồng. Năm 2019 chị đã chuyển về chung sống cùng anh L và bố mẹ anh L tại Khu C, xã M, huyện C tỉnh P. Đến ngày 21/02/2023 chị và anh L đã đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh P.

Chị và anh L sinh được 02 người con chung, dự định đặt tên con theo giấy chứng sinh là là Bùi Xuân P, sinh ngày 28/9/2019 và Bùi Thùy L, sinh ngày 26/9/2020. Tại bản kết quả phân tích AND huyết thống ngày 14/3/2023 của Phòng khám đa khoa MEDLATEC đã kết luận anh L và cháu Bùi Xuân P và Bùi Thùy L có quan hệ huyết thống là cha con. Đến nay chị vẫn chưa làm được thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu P, cháu L nên chị đã đề nghị Tòa án xem xét giải quyết xác định anh L là cha đẻ của cháu P, cháu L.

2, Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Văn L trình bày: Năm 2018 anh có quen biết với chị Phạm Thị T, anh và chị T nảy sinh tình cảm nên đã chung sống với nhau như vợ chồng. Chị T chuyển về chung sống cùng anh và bố mẹ anh tại Khu C, xã M, huyện C tỉnh P từ năm 2019 đến nay. Đến ngày 21/02/2023 anh và chị T đã đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh P.

Quá trình chung sống anh và chị T sinh được 02 người con chung dự định đặt tên con theo giấy chứng sinh là Bùi Xuân P, sinh ngày 28/9/2019 và Bùi Thùy L, sinh ngày 26/9/2020. Tại bản kết quả phân tích AND huyết thống ngày 14/3/2023 của Phòng khám đa khoa MEDLATEC đã kết luận anh và cháu Bùi Xuân P và Bùi Thùy L có quan hệ huyết thống là cha con. Đến nay vợ chồng anh vẫn chưa làm được thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu P, cháu L. Nay chị T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết xác định anh là cha đẻ của cháu P, cháu L anh hoàn toàn nhất trí vì thực tế anh là cha đẻ của cháu P, cháu L là đúng. Anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết xác định anh là cha đẻ của cháu P, cháu L.

3, Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã báo gọi nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn H không có mặt tại Tòa án để làm việc. Tòa án đã ủy thác đến Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 12/2023/QĐ – UTTA ngày 17/7/2023 để lấy lời khai của anh Nguyễn Văn H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2023 bà Trần Thị Hiền (Là mẹ đẻ anh H) trình bày: Anh H sống cùng bà tại Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh H. Anh H biết rõ Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê giải quyết vụ việc theo đơn đề nghị của chị T và có đưa anh tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng do anh H bận đi làm nên không đến Tòa án để làm việc được. Anh H có trao đổi với bà nội dung anh kết hôn với chị T năm 2011. Anh và chị T chỉ có một người con chung là cháu Nguyễn Quốc Bảo, sinh ngày 13/3/2012. Quá trình chung sống do không hợp nhau nên từ năm 2017 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thái Bình sinh sống, còn anh H thì ở xã Nam Điền. Trong thời gian sống ly thân cho đến khi ly hôn năm 2023, chị T có quan hệ với ai, có con riêng hay không thì anh không biết, không liên quan. Anh H và chị T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2023/QĐST - HNGĐ ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Vì vậy đối với cháu Bùi Xuân P và cháu Bùi Thùy L là con của ai anh không biết, cháu P, cháu L không phải là con chung của anh và chị T nên việc giải quyết như thế nào là tùy Tòa án.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Minh Tân ngày 28/11/2023 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị T về chung sống cùng anh L và bố mẹ anh L từ năm 2019 đến nay. Quá trình chung sống anh chị sinh được 02 người con chung dự định đặt tên con theo giấy chứng sinh là Bùi Xuân P, sinh ngày 28/9/2019

và Bùi Thùy L, sinh ngày 26/9/2020. Ngày 21/02/2023 anh L và chị T đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh P

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 88, 91, 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 105; Điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Xác định anh Bùi Văn L là cha đẻ của cháu Bùi Xuân P, sinh ngày 28/9/2019 theo Giấy chứng sinh số 2006 ngày 28/9/2019 tại Trung tâm y tế huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ và cháu Bùi Thùy L, sinh ngày 26/9/2020 theo Giấy chứng sinh số 1772 ngày 26/9/2020 tại Trung tâm y tế huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Về án phí: Anh Bùi Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp xác định cha cho con được quy định tại khoản 4, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh L có hộ khẩu thường trú tại Khu C, xã M, huyện C tỉnh P. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị T, anh L có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh H Toà án đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có L do. Căn cứ điểm b khoản 2, □iều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét yêu cầu của chị Phạm Thị T về việc yêu cầu xác định cha cho con: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã Nam Điền, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn chị chung sống cùng anh H đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tôi ở xã S, huyện V, tỉnh T ở, chị và anh H mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Đến năm 2023 thì chị và anh H ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2023/QĐST - HNGĐ ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định công nhận sự thuận tình ly

hôn giữa chị và anh H. Trong khi chưa giải quyết ly hôn với anh H thì chị T có quan hệ tình cảm nam nữ với anh Bùi Văn L và sinh được 02 người con chung dự định đặt tên con theo giấy chứng sinh là Bùi Xuân P, sinh ngày 28/9/2019 theo Giấy chứng sinh số 2006 ngày 28/9/2019 tại Trung tâm y tế huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ và Bùi Thùy L, sinh ngày 26/9/2020 theo Giấy chứng sinh số 1772 ngày 26/9/2020 tại Trung tâm y tế huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị T và anh L đều xác định đây là con chung của anh chị. Tại bản kết quả phân tích AND huyết thống ngày 14/3/2023 của Phòng khám đa khoa MEDLATEC đã kết luận anh Bùi Văn L và cháu Bùi Xuân P và Bùi Thùy L có quan hệ huyết thống là cha con. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào Điều 88, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phạm Thị T là phù hợp.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn anh Bùi Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 88, 91, 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 105; Điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1]. Xác định anh Bùi Văn L là cha đẻ của cháu Bùi Xuân P, sinh ngày 28/9/2019 theo Giấy chứng sinh số 2006 ngày 28/9/2019 tại Trung tâm y tế huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ và cháu Bùi Thùy L, sinh ngày 26/9/2020 theo Giấy chứng sinh số 1772 ngày 26/9/2020 tại Trung tâm y tế huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Về án phí: Anh Bùi Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã Minh Tân;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền